TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **157** /2024/HS-ST
Ngày 16 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 191/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Đặng Thị Ngọc Đ; sinh năm 1978, tại Thành phố H; nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: 1107/170/2/10 P, Phường E, Quận H, Thành phố H; Chỗ ở: 1107/170/16 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S (chết) và bà Đỗ Thị T; có chồng Hồng Thanh B và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2023, đến ngày 06/02/2024 được thay thế bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (có mặt)

2. Hồng Thanh B; sinh năm 1972, tại Thành phố H, nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: 1107/170/2/10 P, Phường E, Quận H, Thành phố H; Chỗ ở: 1107/170/16 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Công M và bà Ông Thị X; có vợ Đặng Thị Ngọc Đ và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến nay. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Phước H, sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Hồ Minh H1, sinh năm: 1961; nơi cư trú: C T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Giang Bát Đ2, sinh năm: 1966; nơi cư trú: 2 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Lê Minh T1, sinh năm: 1999; nơi cư trú: 1 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5. Võ Thị Huỳnh T2, sinh năm:1967; nơi cư trú: 1 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6. Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1993; nơi cư trú: E T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

7. Cheng Cam L1, sinh năm: 1963; nơi cư trú: F T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

8. Trần Công H2, sinh năm: 1972; nơi cư trú: A T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

9. Trương Bích N, sinh năm: 1965; nơi cư trú: A T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 35 phút ngày 14/12/2023, tại trước số A N, Phường A, Quận H, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội phối hợp Công an, Phường A, Quận H kiểm tra, phát hiện Đặng Thị Ngọc Đ cùng chồng là Hồng Thanh B có dấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên mời cả hai về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B cùng khai nhận:

Đ và B cho những người xung quanh nơi ở của Đ và B cũng như những người quen biết với Đ và B vay tiền với hai hình thức là vay tiền góp và vay tiền đứng, số tiền cho vay từ 1.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, lãi suất từ 20% - 30%/tháng.

Hàng ngày, từ 17 giờ đến khoảng 19 giờ, Đ và B đến quán nước trước chợ N1, Phường A, Quận H chờ những người đã vay tiền đến trả tiền góp, tiền lãi đã vay theo thỏa thuận. Những người vay sẽ trả tiền trực tiếp cho Đ hoặc chuyển khoản qua số tài khoản 9933823332 mang tên DANG HONG LINH thuộc ngân hàng V và tài khoản Momo số 0933823332.

B có nhiệm vụ thu tiền góp, tiền lãi đối với những người vay tiền nào không đến trả tiền theo thỏa thuận cho Đ (khoảng hơn 03 ngày không trả tiền góp, tiền lãi). Lúc này, Đ sẽ nói thông tin cho B người vay nào vay số tiền bao nhiêu, vay hình thức góp hay hình thức trả

tiền lãi (vay đứng), còn nợ bao nhiêu ngày chưa trả tiền, để B biết và đến thu tiền cho đúng với thỏa thuận. Tất cả số tiền B đi thu tiền góp, tiền lãi tại nhà của những người vay tiền đều đưa lại cho Đ thống kê.

Qua điều tra xác định được những người vay tiền của Đ và B gồm:

1. Phạm Phước H:

Bắt đầu từ khoảng tháng 3/2016, H vay của Đ 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày, H dồn 6 dây, tổng số tiền H đưa cho Đ là 36.000.000 đồng.

Tháng 01/2017, H vay của Đ 20.000.000 đồng, trả góp 800.000 đồng/ngày, H trả được 15 ngày, thiếu lại Điệp 12.000.000 đồng (vừa gốc vừa lãi) thì Đ chuyển số tiền này thành một dây đứng cho tháng 02/2017.

Tháng 02/2017, H tiếp tục dồn dây 20.000.000 đồng, vừa trả góp 800.000 đồng/ngày của dây góp, vừa trả số tiền 120.000 đồng/ngày đối với dây đứng của tháng 01/2017. Hoan trả 920.000 đồng/ngày, H trả được 10 ngày. H thiếu Đ thêm dây đứng 18.400.000 đồng. Hoan trả tổng cộng 1.100.000 đồng/ngày, H trả được 15 ngày. Hoan thiếu Đ thêm 16.500.000 đồng.

Tháng 4/2017, H tiếp tục dồn dây 20.000.000 đồng, vừa trả góp 800.000 đồng/ngày vừa trả số tiền 470.000 đồng/ngày (tiền lời từ dây đứng 12.000.000 đồng, dây đứng 18.400.000 đồng và dây đứng 16.500.000 đồng). Hoan trả tổng cộng 1.250.000 đồng/ngày, H trả được 15 ngày. Hoan thiếu Đ thêm 18.750.000 đồng tiền đứng.

Tháng 5/2017, H tiếp tục dồn dây 20.000.000 đồng, vừa trả góp 800.000 đồng/ngày vừa trả số tiền 700.000 đồng/ngày (tiền lời từ dây đứng 12.000.000 đồng, dây đứng 18.400.000 đồng, dây đứng 16.500.000 đồng và dây đứng 18.700.000 đồng). Hoan trả tổng cộng 1.500.000 đồng/ngày, H trả được 10 ngày. Hoan thiếu Đ thêm 30.000.000 đồng tiền đứng.

Tháng 6/2017, do không có khả năng trả nợ nên Đ lấy dây tiền đứng 1.000.000 đồng/ngày đối với tổng số tiền đứng là 95.600.000 đồng. Hoan chưa trả được ngày nào nên tiếp tục thiếu 30.000.000 đồng chuyển thành dây đứng.

Tháng 7/20217, Đ tính cộng số tiền 24.000.000 đồng của dây tiền góp với số tiền 95.600.000 đồng dây tiền đứng và 30.000.000 đồng tiền lời của dây tiền đứng tháng 6/2017, tổng cộng số tiền là 119.600.000 đồng.

Từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017, H phải trả cho Đ số tiền 1.000.000/ngày, nhưng H không có khả năng trả nên Đ nói với H tổng số tiền H thiếu Đ là 209.600.000 đồng.

Khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 5/2017, H trả tiền mặt trực tiếp cho Đ. Sau đó do H không có khả năng trả góp liên tục nữa nên Đ cùng chồng là Hồng Thanh B đến nhà yêu cầu H trả nợ. Tháng 10/2017, ba mẹ ruột của H và H qua nhà Đ để nói chuyện, ba H nói với Đ trả 100.000.000 đồng còn lại xin xóa nợ số tiền 100.000.000 đồng còn lại nhưng Đ không đồng ý. Lúc đó, ba H đưa 40.000.000 đồng cho Đ rồi ra về, hai ngày sau thì chồng của Đ là B mới qua nhà H lấy 60.000.000 đồng, nên H còn nợ lại Điệp 100.000.000 đồng. Đ thoả thuận với H là trả cho Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng đến bao giờ hết số tiền 100.000.000 đồng thì thôi. H đã trả cho Đ được 3 tháng với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 85.000.000 đồng, qua tháng thứ 4 thì H không có khả năng trả tiền cho Đ nữa nên H năn nỉ

thì Đ yêu cầu H trả 1.000.000 đồng/ngày. H bắt đầu trả cho Đ từ đầu tháng 6/2018, H trả tiền mặt trực tiếp cho Đ tại nhà của Đ và trước chợ N1, H không trả đều liên tục mỗi ngày do công việc không ổn định đến năm 2020 do dịch Covid-19 nên Đ cho H trả 600.000 đồng hoặc 800.000đồng/ngày kéo dài đến khi hết dịch Covid-19 vào tháng 10/2021 thì H bắt đầu trả lại 1.000.000đ/ngày cho Đ, H không trả đều liên tục mỗi ngày do công việc không đủ tiền để trả, H trả tiền mặt trực tiếp cho Đ đến tháng 10/2022. Từ tháng 6/2018 đến ngày 14/12/2018, H không trả đều liên tục, H trả tiền mặt trực tiếp cho Đ được khoảng 20.000.000 đồng tiền lời.

Từ 15/12/2018 đến tháng 10/2022, H không trả đều liên tục, H trả tiền mặt trực tiếp cho Đ được khoảng 80.000.000 đồng tiền lời. Từ tháng 10/2022 đến 26/09/2023, H bắt đầu chuyển khoản trả cho Đ qua tài khoản 9933823332 mang tên Đặng Ngọc L thuộc ngân hàng V và ví điện tử Momo số điện thoại 0933823332 của Đặng Ngọc L là con gái của Đ. Trung bình mỗi tuần H chuyển từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng và ví M1 nêu trên, mỗi lần chuyển tiền xong là H gọi điện thoại báo cho Đ để đảm bảo Đ nhận được tiền. Lần cuối cùng H chuyển tiền là ngày 26/09/2023 với số tiền 4.000.000 đồng. Thời gian sau này, H không chuyển tiền nữa do đã hết khả năng trả tiền cho Đ.

Do số tiền H trả lời cho Đ không cố định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 cho H và Đ đối chất để thống nhất số tiền vay nợ và thu lợi bất chính của Đ. Qua đó xác định số tiền thu lợi bất chính trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự của Đ và B đối với khoản vay của H là 218.342.466 đồng.

2. Hồ Minh H1: đầu tháng 5/2023, Đ cho anh H1 vay 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, thỏa thuận hình thức vay là anh H1 sẽ trả tiền lãi đứng 100.000đ/ngày, thỏa thuận 01 tháng trả 01 lần cho thuận lợi thay vì trả hằng ngày. Anh H1 hàng tháng đến gặp Đ tại trước chợ N1, Phường A, Quận H để trả tiền lãi. Tính đến ngày 14/12/2023, anh H1 đã trả cho Đ được 05 tháng tiền lãi (150 ngày), tương đương số tiền lãi 15.000.000 đồng. Mỗi lần trả tiền thì H1 đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Số tiền thu lợi bất chính của Đ và B có được từ việc cho anh H1 vay tiền là 14.178.082 đồng.

3. Giang Bát Đ2: khoảng tháng 5/2019, Đ cho ông Đ2 vay số tiền 3.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, trả 30.000 đồng/ngày tiền lời, tương đương lãi suất 30%/tháng. Đệ trả đến khoảng hết tháng 12/2019 do không còn khả năng trả tiền lời nên Đ2 ngưng không trả nữa. Thời điểm này, Đ2 đã trả lời được 06 tháng (180 ngày), số tiền lời đã trả 5.400.000 đồng. Khoảng tháng 12/2022, Đ2 tiếp tục gặp Đ trả lại tiền lãi số tiền đã mượn. Lúc này, do thấy Đ2 không còn nhiều khả năng trả, nên chỉ cần trả lãi của số tiền số tiền 3.000.000 đồng bằng hình thức, lãi suất như trên từ tháng 12/2022; còn khoảng thời gian ngưng không trả thì Đ cho thanh toán tùy theo khả năng (dao động từ 200.000 đồng- 500.000 đồng). Thời điểm này, Đ2 đã trả lời được 01 năm (365 ngày), số tiền lời đã trả 10.950.000 đồng. Mỗi lần trả tiền thì Đ2 đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Tiền thu lợi bất chính của Đ và B khi cho Đ2 vay tiền là: 15.454.110 đồng.

4. Lê Minh T1: đầu tháng 01/2023, Đ cho T1 vay số tiền là 5.000.000 đồng, hình thức vay là vay trả góp, trả 200.000 đồng/ngày, góp trong vòng 30 ngày, thành 6.000.000 đồng, tương đương tiền lãi là 1.000.000đồng/30 ngày, lãi suất 20%/tháng. T1 trả cho Đ được

khoảng 15 ngày, tương đương khoảng 3.000.000 đồng. Do không có tiền để xoay sở số ngày góp còn lại đối với số tiền 5.000.000 đồng trên, T1 đã gặp Đ để xin dồn, vay tiếp nhiều lần cũng với số tiền 5.000.000 đồng (tổng cộng 10 lần), cùng hình thức vay trả góp, góp hàng ngày, lãi suất như trên, T1 đã trả được khoảng 15 ngày. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho T1 vay là: 9.636.986 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 12/2023, T1 tiếp tục gặp Đ để vay số tiền 30.000.000 đồng hình thức vay là vay tiền đứng, trả 300.000đồng/ngày tiền lời, lãi suất 30%/1 tháng. Tấn trả được khoảng 09 ngày thì trả không nổi theo hình thức này nên xin Đ cho đổi sang hình thức góp, Đ đồng ý. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho T1 vay tiền ở lần này là 2.552.055 đồng. Số tiền mượn 30.000.000 đồng chuyển sang hình thức vay đứng sang hình thức góp, Đ đồng ý. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho T1 trả góp, trả 120.000đồng/ngày, góp trong vòng 30 ngày, thành 36.000.000đồng, lãi suất 20%/ngày, T1 trả được 03 ngày thì ngưng. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi tiền ở lần này là: 550.68 đồng. Mỗi lần trả tiền thì T1 đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Tổng số tiền của Đ và B thu lợi bất chính đối với T1 là: 12.739.726 đồng.

5. Võ Thị Huỳnh T2: tháng 3/2023, Đ để cho T2 vay số tiền 8.000.000 đồng, trả góp 320.000 đồng/ngày trong 30 ngày thành 9.600.000đồng, lãi suất 20%/tháng, T2 đã góp được 15 ngày thì nói Đ dồn cho T2, Đ đồng ý dồn, T2 đã dồn dây nợ này được 06 lần, từ tháng 06/2023, T2 không trả tiền lời nữa do không còn khả năng chi trả. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho T2 vay tiền ở lần này là: 9.545.205 đồng.

Ngoài ra, Đ cũng cho T2 vay nợ với số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 200.000đồng/ngày thành 6.000.000đồng, lãi suất 20%/tháng, T2 góp được 15 ngày thì dồn dây để vay thêm dây nợ mới 5.000.000 đồng với cách thức trả góp và lãi suất như trên. T2 dồn dây nợ này được khoảng 06 lần. Từ tháng 06/2023 đến nay, T2 không góp nữa do không còn khả năng chi trả. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho T2 vay tiền ở lần này là: 5.965.753 đồng.

Khoảng giữa tháng 4/2023, Đ cho T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, theo dạng tiền đứng, T2 trả 100.000đồng/ngày tới khi nào có tiền thì sẽ trả tiền gốc. T2 trả được 45 ngày đến đầu tháng 06/2023 thì không trả nữa do T2 hết khả năng chi trả. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho T2 vay tiền ở lần này là: 4.253.425đồng. Mỗi lần trả tiền thì T2 đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Tổng số tiền của Đ và B thu lợi bất chính khi cho T2 vay là: 19.764.383đồng.

6. Nguyễn Tấn P: từ giữa năm 2023, Đ cho P vay số tiền 40.000.000 đồng, trả góp 1.600.000đồng/ngày trong vòng 30 ngày tương đương 48.000.000đồng, lãi suất 20%/tháng. Phát trả được khoảng 20 ngày tiền góp thì tiếp tục mượn dồn dây 40.000.000 đồng tiền vay đứng, coi như toàn bộ số tiền của dây đầu tiên đã trả đủ. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho P vay tiền ở lần này là 7.342.466 đồng.

Đối với số tiền 40.000.000đồng tiền vay đứng thì P trả tiền lãi 400.000đồng/ngày, tương đương lãi suất 30% tháng cho Đ đến khi trả đủ một lần tiền gốc 40.000.000 đồng là coi như xong nợ. P đã trả được khoảng 55 ngày tiền lãi của dây tiền đứng này tương đương 22.000.000 đồng. Phát trả tiền lãi liên tục đến ngày 12/12/2023. P trả tiền cho Đ chủ yếu thông qua việc chuyển khoản ngân hàng đến tài khoản ngân hàng V do L con gái của Đ đứng

tên. Có những lúc P chuyển sang trả tiền mặt trực tiếp cho Đ tại nhà địa chỉ 1 P, Phường E, Quận H. Tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho P vay tiền ở lần này là 20.794.521 đồng. Mỗi lần trả tiền thì P đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng V số 9933823332 mang tên DANG HONG LINH.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đ và B khi cho P vay là: 28.136.987 đồng.

7. Cheng C: khoảng tháng 8/2019, Đ cho L vay số tiền 2.000.000 đồng. L cho Đ biết nhà L ở số F Tuy L, Phường A, Quận H và Đ đồng ý cho L vay với hình thức 2.000.000 đồng trả góp 80.000 đồng/ngày trong 30 ngày thành 2.400.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, L đã trả đủ cho Đ số tiền này. Tiền thu lợi bất chính Đ và B được hưởng khi cho L vay tiền ở lần này là 367.123 đồng.

Đến ngày 02/12/2023, Đ tiếp tục cho L vay số tiền 3.000.000đồng, với hình thức 3.000.000 đồng đồng trả góp 100.000đồng/ngày, trong 36 ngày thành 3.600.000đồng, lãi suất 20%/tháng. Dây nợ này L mới trả được cho Đ 08 ngày với tổng số tiền là 800.000 đồng; tiền thu lợi bất chính Đ được hưởng khi cho L vay tiền ở lần này là 146.849đồng. Mỗi lần trả tiền thì L đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đ và B khi cho Cheng Cam L1 vay là: 513.972 đồng.

8. Trương Bích N: đầu năm 2021, N vay của Đ số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng 3 dây:

Dây 1: Đầu năm 2021, N vay số tiền 5.000.000 đồng của Đ, hình thức vay là vay trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, số tiền thành 6.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng. Góp được 15 ngày thì dồn, tổng cộng 12 lần.

Dây 2: Khoảng 01 tháng sau khi vay dây 1 (đầu năm 2021), N tiếp tục vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng của Đ, hình thức vay là vay trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, số tiền thành 6.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng. Góp được 15 ngày thì dồn, tổng cộng 14 lần.

Dây 3: Khoảng 1 tháng sau khi vay dây 2 (đầu năm 2021), N tiếp tục vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng của Đ, hình thức vay là vay trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, số tiền thành 6.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, góp được 15 ngày thì dồn, tổng cộng 14 lần.

Đến khoảng đầu tháng 10/2022, N tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay đứng, mỗi ngày trả 50.000 đồng/ngày tiền lãi, lãi suất 30%/tháng. Đầu tháng 11/2022, N tiếp tục vay 5.000.0000 đồng, cùng hình thức vay đứng, mỗi ngày trả 50.000đồng/ngày tiền lãi, lãi suất 30%/tháng. Đầu tháng 12/2022, N tiếp tục vay 5.000.0000 đồng, cùng hình thức vay đứng, mỗi ngày trả 50.000 đồng/ngày tiền lãi, lãi suất 30%/tháng. N trả đủ ngày cho đến ngày 07/10/2023.

Do không có khả năng góp 3 dây 5.000.000 đồng hình thức góp nữa, cộng với 3 dây 5.000.000 đồng hình thức vay đứng nữa nên đến ngày 7/10/2023, Đ chuyển số tiền nợ 30.000.000 đồng (tổng tất cả những lần vay trên) thành hình thức trả tiền lãi đứng, trả 300.000đồng/ngày tiền lãi, lãi suất 30%/tháng, trả từ ngày 7/10/2023 đến ngày 01/12/2023.

Do không có tiền thanh toán, Đ chuyển số tiền 30.000.000 đồng còn thiếu tách ra thành 02 dây. Dây 1: 10.000.000 đồng tiền góp, lãi suất 15%/tháng, trong vòng 40 ngày, góp 300.000đồng/ngày, trả được 09 ngày. Dây 2: 20.000.000 đồng tiền lãi đứng, lãi suất 30%/

tháng trả 200.000đồng/ngày, trả được 9 ngày. Mỗi lần trả tiền thì N đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Số tiền thu lợi bất chính của Đ và B khi cho N vay tiền là 101.339.727 đồng.

9. Trần Công H2: Ngày 30/09/2021, H2 vay của Đ 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày thành 6.000.000 đồng, H2 trả được 13 ngày thì nói Đ dồn dây để cho H2 vay dây nợ mới, H2 dồn dây được 04 lần, H2 trả đến cuối tháng 01/2022 không còn khả năng trả nên H2 bỏ trốn.

Khoảng tháng 10/2021, H2 có gặp Đ để hỏi vay số tiền 7.000.000 đồng tiền đứng, mỗi tháng H2 phải trả tiền lãi 210.000 đồng/tháng, H2 trả tới khi nào có tiền gốc 7.000.000 đồng thì trả cho Đ. Hoan trả được 03 tháng thì hết khả năng nên bỏ trốn. Mỗi lần trả tiền thì H2 đưa tiền mặt trực tiếp cho Đ.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đ và B khi cho H2 vay tiền là 10.023.745 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính ước tính của của Đ và B đối với những người vay tiền trên là 420.493.197 đồng.

Ngoài số người vay tiền nêu trên, Đ và B còn cho nhiều người khác không rõ lai lịch vay tiền bằng hình thức nêu trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Đặng Hồng L2 trình bày: Ngày 19/05/2022, Đặng Hồng L2 mở tài khoản 9933823332 mang tên L2 thuộc ngân hàng V để thuận lợi cho việc bán hàng online. Do mẹ của L2 là bà Đ không biết chữ, không biết sử dụng tài khoản ngân hàng nên bà Đ nói L2 đưa số tài khoản nêu trên và tài khoản M1 số 0933823332 của L2 để cho những người vay mượn tiền của bà Đ khi không đưa trực tiếp được sẽ chuyển tiền góp vào, mỗi khi có người chuyển tiền vào tài khoản của L2 thì người đó sẽ gọi điện thoại báo cho mẹ L2 biết. Do nghĩ bà Đ cho những người quen vay tiền theo đúng quy định pháp luật nên L2 giúp Đ nhận tiền giùm qua tài khoản ngân hàng số 9933823332 và tài khoản Momo số 0933823332. L2 không biết Đ cho vay vi phạm pháp luật nêu trên.

Riêng đối với Nguyễn Phú Q, sinh năm: 2001, HKTT: A P, Phường E, Quận H, chỗ ở: 1 P, Phường E, Quận H là chồng của L2, giúp Đ đi lấy tiền của những người vay tiền khi vợ chồng Đ có việc bận không đi lấy được. Qua xác minh hiện nay Q không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ.

Quá trình khám xét nơi ở của Đ và B tại địa chỉ 1 P, Phường E, Quận H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 thu giữ 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1978, HKTT: 4 B, Phường E, Quận H và 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị X1, sinh năm: 1976, HKTT: 6 B, Phường E, Quận H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị T3 sinh năm: 1978, HKTT: 4 B, Phường E, Quận H và bà Ngô Thị X1, sinh năm: 1976, HKTT: 6 B, Phường E, Quận H là người vay tiền của Đ nhưng hiện đều vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu.

Ngày 25/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đăng tin tìm người vay tiền của Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B nhưng đến nay chưa có người vay tiền nào đến làm việc.

Ngày 26/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 có Công văn gửi Công ty D, Tổng công ty D1 và Tổng công ty V1 yêu cầu cung cấp thông tin đăng ký của chủ thuê bao đối với các số điện thoại: 0907027032, 0909063937, 0938952701, 0327036020, 0367182058, 0973332230, 0931745582, 0938981778, 0938909738, 0898576164, 0933992363, 0784519065, 090676877, 0795835742, 0938767989, 0386109473, 0796922917, 0931131065, 0947824995, 0937772329, 0903629538, 0774980278, 0909899529, 0903537813, 0787953158, 0766979299, 0788941521, 0937900476, 0865454042, 0902782839, 0962463526, 0962463526, 0355190827, 0919156891, 0902469727, 0909095738, 0898131521, 0797992165, 0909855326, 0704176747, 0937524971, nhưng chưa nhận được văn bản phúc đáp.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Số tiền 17.300.000 đồng do Đ giao nộp.

- 01 điện thoại Iphone 14 Promax gắn sim số 0793898212 do Đ giao nộp.

- 01 điện thoại Nokia do B giao nộp.

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T3 (sinh năm: 1978, HKTT: 4 B, Phường E, Quận H).

- 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị X1 (sinh năm: 1976, HKTT: 6 B, Phường E, Quận H).

- 01 xe Honda Vario biển số: 59L2 – 366.63 do B giao nộp. Qua giám định xác định xe trên có số khung: không bị đục số, số máy: không bị đục số, do Hồng Thanh B đứng tên chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 183/CT-VKS-Q8 ngày 10/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 201 các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hồng Thanh B từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo B số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 201 các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 03 năm; phạt bổ sung bị cáo Đ số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính, tiền dùng vào việc phạm tội: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động các bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc cho vay và thu tiền lãi. Đối với số tiền 17.300.000 đồng do bị cáo Đ giao nộp là tiền thu lợi bất chính, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi bị cáo thực tế đã thu tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật mà bị cáo đã nhận từ những người vay tiền của bị cáo thì buộc bị cáo phải trả lại cho người vay theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân nhằm thu lợi bất chính là số tiền lãi từ việc cho vay, từ khoảng tháng 3 năm 2016 đến ngày 14/12/2023, các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B đã cho nhiều người vay tiền và áp dụng mức lãi suất cao hơn gấp nhiều lần quy định của pháp luật về giao dịch dân sự. Cụ thể: Bị cáo đã cho các ông bà Phạm Phước H, Hồ Minh H1, Giang Bát Đ2, Lê Minh T1, Võ Thị Huỳnh T2, Nguyễn Tấn P, Cheng C, Trương Bích N và Trần Công H2 vay trả góp với mức lãi suất 20%/tháng hoặc vay đứng với mức lãi suất 30%/tháng, với tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 420.493.197 đồng.

[3] Việc vay mượn tiền giữa cá nhân với cá nhân được pháp luật quy định là giao dịch dân sự, chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất trong giao dịch dân sự như sau:

"*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

...”

Đối chiếu quy định nêu trên, lãi suất trong giao dịch vay mượn tiền là do các bên thỏa thuận và không được vượt quá 20%/năm, tương đương không quá 1,67%/tháng.

Các bị cáo đã cho vay tiền (vay trả góp) với mức lãi suất là 20%/tháng tương đương 240%/năm là cao hơn gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp các bị cáo cho vay tiền (vay đứng) với mức lãi suất là 30%/tháng tương đương 360%/năm là cao hơn gấp 36 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Theo đó, căn cứ quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà các bên có thể thỏa thuận là 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị cáo có thể thu từ người vay theo mức lãi suất 1,67%/tháng là: 26.750.138 đồng.

Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền 420.493.197 đồng này được xác định là tiền bị cáo thu lợi bất chính, là căn cứ để định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người khác. Các bị cáo đã cho người khác vay tiền với mức lãi suất gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 420.493.197 đồng, thuộc trường hợp “*thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên*”. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có trình độ học vấn thấp, phạm tội vì động cơ vụ lợi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Xét các bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong thời gian dài, đối với nhiều người, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các bị cáo là hình phạt tù, đây là hình phạt nghiêm khắc nhất của khung hình phạt quy định áp dụng cho các bị cáo trong lần phạm tội này.

Xét bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B là vợ chồng, cả hai đang là nguồn lao động chính và hiện có 01 con chung sinh năm 2008 còn đang tuổi học sinh còn đang đi học. Bị cáo B đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2023 và đang điều trị bệnh tăng huyết áp vô căn, đái tháo đường, rối loạn chuyển hóa lipoprotein và tình trạng tăng lipid máu (có hồ sơ bệnh án kèm theo). Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ cũng đã bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 24/12/2023, đến ngày 06/02/2024 bị cáo Đ được thay thế bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Xét bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 1 thời gian cũng đã nhận rõ lỗi lầm của mình và thực sự hối hận về hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã gây ra. Trong thời gian được cho tại ngoại và áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" bị cáo Đ đã chấp hành pháp luật tốt và không vi phạm; để tạo điều kiện cho bị cáo Đ được nuôi dưỡng con đang tuổi học sinh. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải bắt bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ, cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có tính đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Do đó, Hồi đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với vai trò từng bị cáo.

[9] Xét các bị cáo phạm tội do động cơ vụ lợi cá nhân là số tiền lãi từ việc cho vay, lấy đồng tiền làm mục đích phạm tội nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 xe Honda Vario biển số: 59L2 – 366.63 do bị cáo Hồng Thanh B đứng tên chủ sở hữu có sử dụng làm phương tiện đi thu tiền liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 17.300.000 đồng do Đ giao nộp có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại Iphone 14 Promax gắn sim số 0793898212 thu giữ của Đ; 01 điện thoại Nokia thu giữ của B, xét các bị cáo dùng làm phương tiện để liên lạc với người vay thực hiện hành vi cho vay tiền và thu tiền lãi hàng tháng nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T3; 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị X1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị T3

và bà Ngô Thị X1 là người vay tiền của Đ nhưng hiện đều vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, xét có liên quan đến việc cho vay tiền của các bị cáo nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Số tiền 386.000.000 đồng là số tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay, là phương tiện phạm tội nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 26.750.138 đồng là tiền lãi bị cáo thực tế đã thu tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, xét đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải nộp lại 26.750.138 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 420.493.197 đồng là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của người vay vượt mức quy định của pháp luật, nên cần buộc bị cáo nộp lại để trả lại cho người vay. Cụ thể:

Trả lại cho ông Phạm Phước H số tiền 218.342.466 đồng.

Trả lại cho ông Giang Bát Đ2 số tiền 15.454.110 đồng.

Trả lại cho ông Hồ Minh H1 số tiền 14.178.082 đồng.

Trả lại cho ông Lê Minh T1 số tiền 12.739.726 đồng.

Trả lại cho bà Võ Thị Huỳnh T2 số tiền 19.764.383 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 28.136.987 đồng.

Trả lại cho ông Cheng Cam L1 số tiền 513.972 đồng.

Trả lại cho ông Trần Công H2 số tiền 10.023.745 đồng.

Trả lại cho bà Trương Bích N số tiền 101.339.727 đồng.

[11] Đối với hành vi Đặng Hồng L2 mặc dù biết việc Đ và B cho vay tiền lấy lãi nhưng L2 nghĩ Đ và B cho vay lãi suất theo quy định của pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 không xử lý là có cơ sở.

[12] Đối với Nguyễn Phú Q hiện không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định truy tìm, Quyết định tách vụ án, khi nào phát hiện sẽ làm rõ theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201 các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hồng Thanh B 10 (mười) tháng tù ; về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2023.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201 các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02

(hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Giao bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 201của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bổ sung bị cáo Hồng Thanh B số tiền 40.000.000 đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ số tiền 50.000.000 đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm các khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 xe Honda Vario biển số: 59L2 – 366.63.

+ 01 điện thoại Iphone 14 Promax gắn sim số 0793898212, số IMEI: 357170856894456; 01 điện thoại Nokia, số IMEI 359187902906660.

+ Số tiền 17.300.000 đồng.

Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T3.

+ 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị X1.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/8/2024)

Buộc các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B liên đới nộp lại số tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay là 386.000.000 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B liên đới nộp lại số tiền do các bị cáo phạm tội mà có là 26.750.138 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 420.493.197 đồng, để trả lại cho những người vay. Cụ thể:

Nộp lại số tiền 218.342.466 đồng để trả lại cho ông Phạm Phước H.

Nộp lại số tiền 15.454.110 đồng để trả lại cho ông Giang Bát Đ2.

Nộp lại số tiền 14.178.082 đồng đồng để trả lại cho ông Hồ Minh H1.

Nộp lại số tiền 12.739.726 đồng đồng để trả lại cho ông Lê Minh T1.

Nộp lại số tiền 19.764.383 đồng để trả lại cho bà Võ Thị Huỳnh T2.

Nộp lại số tiền 28.136.987 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Tấn P.

Nộp lại số tiền 513.972 đồng để trả lại cho ông Cheng Cam L1.

Nộp lại số tiền 10.023.745 đồng để trả lại cho ông Trần Công H2.

Nộp lại số tiền 101.339.727 đồng để trả lại cho bà Trương Bích N.

Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ và Hồng Thanh B nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Đặng Thị Ngọc Đ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc